

KẾ HOẠCH

Thực hiện chuyển đổi số tỉnh Quảng Bình năm 2025

Phần I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2024

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU NĂM 2024

Tình hình thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu đề ra tại Kế hoạch số 2656/KH-UBND ngày 22/12/2023 của UBND tỉnh về thực hiện chuyển đổi số tỉnh Quảng Bình năm 2024:

Mục tiêu/Chỉ tiêu	Đề ra năm 2024	Kết quả thực hiện	Đánh giá
a) Chính quyền số			
- Thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp bằng hình thức dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)	100%	100%	Đạt
- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến phát sinh của DVCTT (toàn trình và một phần)	70%	76,2%	Vượt
- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến phát sinh của từng DVCTT tối thiểu	70%	76,15%	Vượt
- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến so với hồ sơ TTHC có phí, lệ phí tối thiểu	50%	50,48%.	Vượt
- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt	100%	90,17%.	Chưa đạt
- Tỷ lệ văn bản, hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng tại cơ quan			
+ Cấp tỉnh	98%	99%	Vượt
+ Cấp huyện	98%	98%	Đạt
+ Cấp xã đạt	85%	88%	Vượt
(trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)			

- Chỉ tiêu chế độ báo cáo định kỳ về tình hình kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh	100%	100%	Đạt
- Chỉ tiêu theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ	100%	100%	Đạt
- Cơ sở dữ liệu chuyên ngành được xây dựng	50%	51,2%	Vượt
- Cơ sở dữ liệu thuộc danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh được kết nối, chia sẻ dữ liệu	100%	100%	Đạt
b) Kinh tế số và xã hội số			
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, sử dụng nền tảng số	50%	58,5%	Vượt
- Tỷ lệ doanh nghiệp trên địa bàn thực hiện nộp thuế điện tử	100%	100%	Đạt
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh	80%	74,3	Chưa đạt
- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản định danh điện tử	60%	74,3%	Vượt
- Tỷ lệ tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác so với dân số từ 15 tuổi trở lên.	90%	109,5%	Vượt
- Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối internet băng rộng cáp quang	80%	72,2%	Chưa đạt
- Tỷ lệ người dân trưởng thành có hồ sơ sức khỏe điện tử	100%	100%	Đạt
- Tỷ lệ cơ sở giáo dục triển khai nền tảng hỗ trợ dạy, học từ xa và có thể chia sẻ tài nguyên dạy và học	70%	70%	Đạt

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2024

1. Nhận thức số

Năm 2024 với chủ đề “*Phát triển kinh tế số với 04 trụ cột công nghiệp công nghệ thông tin, số hóa các ngành kinh tế, quản trị số, dữ liệu số - Động lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững*”, UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương tích cực

phối hợp với các cơ quan báo chí, truyền thông tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức, tạo đồng thuận trong xã hội và toàn hệ thống chính trị về Phát triển kinh tế số với 04 trụ cột công nghiệp công nghệ thông tin, số hóa các ngành kinh tế, quản trị số, dữ liệu số - Động lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững. Các văn bản, chương trình, kế hoạch của tỉnh đều tiếp tục nhấn mạnh và giao nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương tăng cường phổ biến, quán triệt nhằm tạo sự chuyển biến trước hết về tư duy, nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức trong phát triển hạ tầng số, dữ liệu số, nhân lực số để thúc đẩy chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

Báo Quảng Bình, Đài Phát thanh và Truyền hình Quảng Bình, Cổng thông tin điện tử tỉnh và Chuyên trang Chuyển đổi số tỉnh tích cực thực hiện, đăng phát các tin, bài, phóng sự chuyên đề về công nghệ số, chuyển đổi số của tỉnh và trong nước, quốc tế¹. UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục chỉ đạo Phòng Văn hóa và Thông tin, Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông, UBND cấp xã tổ chức thông tin về chuyển đổi số trên trang thông tin điện tử và triển khai xây dựng, phát sóng chuyên mục riêng về chuyển đổi số trên hệ thống đài truyền thanh cấp huyện và cơ sở, qua đó tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền về chuyển đổi số; hướng dẫn, phổ cập kiến thức, kỹ năng số cơ bản cho người dân trên địa bàn.

Trong chuỗi sự kiện chào mừng, hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia và Ngày chuyển đổi số tỉnh Quảng Bình năm 2024, Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh đã tổ chức Hội thảo “Một số giải pháp ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong chuyển đổi số, đô thị thông minh” (09/10); Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức Hội thảo “Phổ cập hạ tầng số, tăng cường ứng dụng số để thúc đẩy chuyển đổi số tỉnh Quảng Bình” (04/10) và Hội nghị tập huấn “Ứng dụng AI trong công tác hành chính” (10/10); UBND thành phố Đồng Hới tổ chức Hội nghị về chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số (04/10). Các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức ngày “Dịch vụ công trực tuyến” (01/10) tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, bộ phận tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC và trụ sở làm việc. Các Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn toàn tỉnh đồng loạt thực hiện chiến dịch ra quân “đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người dân sử dụng dịch vụ, ứng dụng để phát triển kinh tế số” từ ngày 01 đến ngày 10/10/2024.

2. Thể chế số

UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện chuyển đổi số, trong đó có một số văn bản quan trọng sau:

¹ Báo Quảng Bình có 40 tin, bài, ảnh liên quan tại Chuyên mục Công nghệ số; Đài PT&TH Quảng Bình có 18 số chuyên đề "Câu chuyện chuyển đổi số" và 43 tin, bài; phóng sự, phản ánh, phỏng vấn về chuyển đổi số, gắn với CCHC; Chuyên mục “Tin tức Chuyển đổi số” của Cổng thông tin điện tử tỉnh có 97 tin, bài; Chuyên trang Chuyển đổi số (chuyendoiso.quangbinh.gov.vn) do Sở TT&TT quản lý đăng tải 37 tin, bài, thông tin, tài liệu...

- Kế hoạch số 2656/KH-UBND ngày 22/12/2023 của UBND tỉnh về thực hiện chuyển đổi số tỉnh Quảng Bình năm 2024;

- Thông báo số 506/TB-VPUBND ngày 30/01/2024 của Văn phòng UBND tỉnh về kết luận của đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh tại Hội nghị tổng kết công tác chuyển đổi số năm 2023 và sơ kết 02 năm triển khai Đề án 06 của tỉnh;

- Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 02/02/2024 của UBND tỉnh về việc giao nhiệm vụ thẩm định các dự án, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình;

- Chương trình số 40/CTr-BCĐ ngày 14/3/2024 của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh về Chương trình công tác của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Quảng Bình năm 2024;

- Quyết định số 591/QĐ-UBND ngày 14/3/2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Hội nghị trực tuyến tỉnh Quảng Bình;

- Công văn số 483/UBND-KSTT ngày 14/03/2024 của UBND tỉnh về việc tăng cường đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình điện tử giải quyết TTHC, DVC trực tuyến theo Chỉ thị 27/CT-TTg;

- Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 25/3/2024 của UBND tỉnh về việc tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử, phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình năm 2024 và những năm tiếp theo;

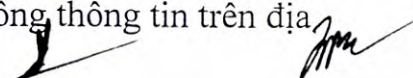
- Công văn số 509/UBND-NCVX ngày 25/3/2024 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 23/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tuân thủ quy định pháp luật và tăng cường đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ;

- Thông báo số 1825/TB-VPUBND ngày 23/4/2024 của Văn phòng UBND tỉnh về kết luận của đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh tại phiên họp Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh và Tổ Công tác triển khai Đề án 06 tỉnh Quý I năm 2024;

- Kế hoạch hành động số 888/KH-UBND ngày 17/5/2024 của UBND tỉnh về việc nâng cao chất lượng hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Bình năm 2024;

- Kế hoạch số 890/KH-UBND ngày 17/5/2024 của UBND tỉnh về việc triển khai, thực hiện Quyết định số 1690/QĐ-TTg ngày 26/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

- Công văn số 1086/UBND-NCVX ngày 14/6/2024 của UBND tỉnh về việc rà soát, xây dựng, thẩm định, phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh;



- Kế hoạch số 1132/KH-UBND ngày 20/6/2024 của UBND tỉnh về việc Triển khai thực hiện Luật Viễn thông trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

- Thông báo số 3495/TB-VPUBND ngày 24/7/2024 của Văn phòng UBND tỉnh về kết luận của đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại phiên họp Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh và Tổ Công tác triển khai Đề án 06 tỉnh Quý II năm 2024;

- Kế hoạch số 1382/KH-UBND ngày 25/7/2024 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện cấp Phiếu lý lịch tư pháp trên ứng dụng VNeID trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

- Công văn số 313-CV/BCSD ngày 20/8/2024 của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh về việc dự thảo Báo cáo sơ kết 02 năm thực hiện Nghị Quyết số 07-NQ/TU ngày 31/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chuyển đổi số;

- Công văn số 1620/UBND-KSTT ngày 30/8/2024 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị định số 82/2024/NĐ-CP của Chính phủ và tăng cường hiệu quả quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số;

- Kế hoạch số 114/KH-BCĐ ngày 05/9/2024 của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh về kiểm tra công tác chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Bình năm 2024;

- Kế hoạch số 1740/KH-UBND ngày 20/9/2024 của UBND tỉnh về tổ chức Ngày Chuyển đổi số tỉnh Quảng Bình năm 2024;

- Quyết định số 2694/QĐ-UBND ngày 23/9/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin đối với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Quảng Bình;

- Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 23/9/2024 của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh về việc thành lập Đoàn kiểm tra công tác Chuyển đổi số tỉnh Quảng Bình năm 2024;

- Quyết định số 2751/QĐ-UBND ngày 01/10/2024 của UBND tỉnh ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung và Danh mục dữ liệu mở tỉnh Quảng Bình.

3. Hạ tầng số

Hạ tầng viễn thông, trạm thu phát sóng thông tin di động và cáp quang internet băng rộng tiếp tục phát triển và hướng mạnh về bảo đảm phủ sóng ở miền núi, vùng sâu, vùng xa. 100% trung tâm xã, phường, thị trấn có kết nối cáp quang internet băng thông rộng. Mạng 3G, 4G phủ sóng trên 97,7% khu vực dân cư; mạng 5G đã được Viettel triển khai tại 15 địa điểm trên địa bàn thành phố Đồng Hới. Tỷ lệ điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng có kết nối internet băng rộng cố định là 78,1%. Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh là 74,3%. Tỷ lệ hộ gia đình có người có điện thoại thông minh là 87,2%. Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối internet băng rộng cáp quang là 72,2%.

Hạ tầng phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan trong hệ thống chính trị, nhất là cơ quan nhà nước tiếp tục được đầu tư, nâng cấp, hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu giải quyết công việc và cung cấp dịch vụ công cho

2

/

/

người dân doanh nghiệp. 100% cơ quan hành chính 3 cấp chính quyền thiết lập mạng nội bộ (LAN) và kết nối internet băng rộng. Mạng truyền số liệu chuyên dùng được triển khai, duy trì đến 180 cơ quan hành chính các cấp (21 sở, ngành thuộc UBND tỉnh; 08 UBND cấp huyện; 151 UBND cấp xã). Hạ tầng phục vụ Hệ thống hội nghị truyền hình chuyên dùng của tỉnh duy trì ổn định, bảo đảm kết nối thông suốt từ Trung ương đến cấp xã (151/151 xã, phường, thị trấn), cho phép cấp huyện chủ động tổ chức cuộc họp với cấp xã.

Trung tâm dữ liệu điện tử của tỉnh được triển khai phục vụ Chuyển đổi số theo hướng công nghệ điện toán đám mây, cơ bản đáp ứng đầy đủ các tiêu chí, chỉ tiêu kỹ thuật theo quy định, sẵn sàng kết nối với Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ theo mô hình do Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn; được vận hành cơ bản ổn định phục vụ triển khai, bảo đảm hạ tầng phục vụ cho 12 nền tảng, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh và 18 hệ thống phần mềm, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các cơ quan, đơn vị. Trung tâm điều hành thông minh (IOC) tỉnh tiếp tục duy trì, thử nghiệm, thí điểm 10 phần mềm, dịch vụ đô thị thông minh. Các Trung tâm IOC thành phố Đồng Hới, thị xã Ba Đồn duy trì hoạt động ổn định, cung cấp một số ứng dụng đô thị thông minh thiết thực cho người dân, doanh nghiệp.

4. Nhân lực số

Tại Hội nghị tổng kết công tác chuyển đổi số tỉnh Quảng Bình năm 2023 và sơ kết 02 năm triển khai Đề án 06 trên địa bàn tỉnh đã tiến hành trao tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh đối với 20 tập thể, cá nhân tiêu biểu có thành tích xuất sắc trong triển khai chuyển đổi số năm 2023 và triển khai Đề án 06 giai đoạn 2022-2023; công bố, trao thưởng đối với 30 cá nhân đạt giải thưởng tuần và toàn cuộc của Cuộc thi trực tuyến tìm hiểu về Đề án 06 trên địa bàn tỉnh. UBND các huyện Quảng Trạch, Minh Hóa, Bố Trạch cũng đã tổ chức Hội nghị tổng kết triển khai chuyển đổi số năm 2024 và sơ kết 02 năm triển khai Đề án 06 trên địa bàn huyện, qua đó biểu dương, khen thưởng nhiều tập thể, cá nhân có nhiều thành tích ở cả cấp huyện và cấp xã.

100% các sở, ban, ngành cấp tỉnh thành lập, kiện toàn Tổ Chỉ đạo Chuyển đổi số do đồng chí Thủ trưởng cơ quan làm Tổ trưởng; 100% UBND cấp huyện và cấp xã thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số do đồng chí Chủ tịch UBND làm Trưởng ban; có 1.113/1.123 Tổ công nghệ số cộng đồng cấp thôn với 4.561 thành viên tham gia². Bên cạnh đó, tỉnh đã thành lập, kiện toàn đầy đủ Tổ công tác triển khai cấp tỉnh, 08/08 Tổ công tác triển khai cấp huyện, 151/151 Tổ công tác triển khai cấp xã và 1.123/1.123 Tổ công tác triển khai cấp thôn.

Sở Thông tin và Truyền thông tiếp tục phát huy chức năng cơ quan tham mưu quản lý nhà nước về chuyển đổi số đồng thời là đơn vị chuyên trách công

² Số lượng thành viên Tổ CNSCĐ cấp thôn: Đồng Hới: 653; Ba Đồn: 440; Lệ Thủy: 824; Quảng Ninh: 374; Bố Trạch: 1.178; Quảng Trạch: 460; Tuyên Hóa: 214; Minh Hóa: 418. Đối với các tổ dân phố, thôn, bản chưa có điều kiện thành lập Tổ CNSCĐ thì Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số cấp xã kiêm nhiệm vai trò, nhiệm vụ.

nghe thông tin, an toàn thông tin của UBND tỉnh. Các Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện từng bước kiện toàn bộ máy, nâng cao năng lực tham mưu quản lý nhà nước về công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại huyện, thị xã, thành phố. 05 cơ quan nhà nước cấp tỉnh có đơn vị chuyên trách công nghệ thông tin³. 100% sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã có cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm về chuyển đổi số, công nghệ thông tin⁴. 100% cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước đã qua các khóa đào tạo tin học hoặc bồi dưỡng ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản.

Trong năm 2024, Sở Thông tin và Truyền thông đã tổ chức 02 lớp đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số trên Nền tảng trực tuyến Moocs cho 2.097 cán bộ, công chức, viên chức 3 cấp tỉnh, huyện, xã và 664 thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng cấp thôn; tổ chức tập huấn hướng dẫn sử dụng phần mềm quản lý hoạt động tiếp xúc, làm việc và cung cấp thông tin cho báo chí cho gần 250 cán bộ, công chức, phóng viên; tổ chức tập huấn Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ công tác hành chính cho hơn 80 cán bộ Lãnh đạo, công chức văn phòng của 21 sở, ban, ngành cấp tỉnh và 08 UBND cấp huyện. Sở Nội vụ đã tổ chức lớp tập huấn hướng dẫn nghiệp vụ lập hồ sơ điện tử và nộp lưu hồ sơ điện tử vào Lưu trữ cơ quan trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh cho 128 cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh và cấp huyện. Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Quảng Bình tổ chức Hội thảo thúc đẩy triển khai thanh toán không dùng tiền mặt tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh, tổ chức Hội nghị tập huấn Chuyển đổi số năm 2024 cho gần 120 cán bộ, công chức, viên chức ngành giáo dục và đào tạo. UBND thành phố Đồng Hới, thị xã Ba Đồn, huyện Minh Hóa tổ chức các hội nghị tập huấn, bồi dưỡng về chuyển đổi số, kỹ năng khai thác các hệ thống thông tin chính quyền số cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện và cấp xã.

Lũy kế đến nay, tỉnh đã tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số, kỹ năng số cho 7.301 cán bộ, công chức, viên chức hành chính 3 cấp tỉnh, huyện, xã; 18.350 viên chức ngành Y tế, ngành Giáo dục và Đào tạo và 4.561 thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng cấp thôn.

5. Chính quyền số

UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, Kế hoạch số 698/KH-UBND ngày 28/4/2022 của UBND tỉnh về chuyển đổi số giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 để thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 31/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Bình, Kế hoạch số 2656/KH-UBND ngày 22/12/2023 của

³ (1) Trung tâm CNTT&TT thuộc Sở TT&TT; (2) Trung tâm Tin học và Dịch vụ tài chính công thuộc Sở Tài chính; (3) Trung tâm CNTT TN&MT thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; (4) Trung tâm Tin học - Công báo thuộc Văn phòng UBND tỉnh; (5) Phòng Công nghệ thông tin thuộc Văn phòng Tỉnh ủy.

⁴ Trong hệ thống cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước, số lượng cán bộ, công chức chuyên trách, kiêm nhiệm CDS, CNTT: 205; số lượng viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm CDS, CNTT: 599

UBND tỉnh về thực hiện chuyển đổi số tỉnh Quảng Bình năm 2024; đẩy mạnh hoạt động ứng dụng công nghệ số trong hoạt động của cơ quan nhà nước, gắn kết với chương trình cải cách hành chính nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và chất lượng phục vụ dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp.

Các nền tảng, hệ thống thông tin chính quyền số dùng chung quan trọng của tỉnh tiếp tục được xây dựng, nâng cấp và tổ chức vận hành, khai thác hiệu quả. Cụ thể:

- Hệ thống Công/trang thông tin điện tử tỉnh được mở rộng và hoạt động ổn định. Tỷ lệ trang thông tin điện tử cung cấp, cập nhật thông tin thường xuyên của các cơ quan cấp sở, cấp huyện là 100%; cấp xã là 74,1%.

- Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) tiếp tục được khai thác, sử dụng thống nhất tại 21/21 cơ quan thuộc UBND tỉnh, 08/08 UBND cấp huyện và 151/151 UBND cấp xã; duy trì kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; triển khai trợ lý ảo phục vụ hoạt động của cán bộ, công chức, viên chức và phục vụ người dân. Công dịch vụ công tỉnh công khai cung cấp 964 dịch vụ công trực tuyến (DVCTT), trong đó có 837 DVCTT toàn trình và 205 DVCTT một phần; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công tỉnh đạt 76,2% (cấp tỉnh 68,2%, cấp huyện 82%, cấp xã 91,4%); tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến đạt 100%; tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến đạt 87,8%; tỷ lệ thanh toán trực tuyến đạt 50,1%. Số lượng hồ sơ TTHC được người dân, doanh nghiệp thực hiện trực tuyến từ xã là 40.925. Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được số hóa đạt 81,89%.

- Hệ thống quản lý văn bản và điều hành duy trì khai thác, sử dụng tại các cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và mở rộng ra một số đoàn thể, doanh nghiệp thuộc tỉnh, cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh. Tỷ lệ văn bản, hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng tại cơ quan cấp tỉnh là 99%, cấp huyện là 98%, cấp xã là 88%. Tỷ lệ văn bản được ký số đầy đủ, đúng quy định của UBND tỉnh và sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh là 99,1%; của UBND cấp huyện là 98%; của UBND cấp xã là 96%.

- Hệ thống thông tin báo cáo hoạt động ổn định, duy trì kết nối, chia sẻ dữ liệu đối với 08/08 chỉ tiêu với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm chỉ đạo, điều hành của Chính phủ theo yêu cầu. Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện cơ bản thực hiện cập nhật thông tin, số liệu đầy đủ, kịp thời theo đúng Quyết định số 3045/QĐ-UBND ngày 08/11/2022 của UBND tỉnh ban hành Khung đánh giá và Chế độ báo cáo định kỳ về tình hình kinh tế - xã hội định kỳ phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh Quảng Bình.

- Hệ thống tiếp nhận và xử lý phản ánh hiện trường duy trì ứng dụng trên địa bàn toàn tỉnh. Trong năm đã tiếp nhận, xử lý gần 400 phản ánh, tỷ lệ người dân đánh giá hài lòng và chấp nhận được là 85%.

Các sở, ban, ngành, địa phương tiếp tục thực hiện tiếp nhận, kế thừa, phát triển, sử dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đã được Trung ương đầu tư,

xây dựng hoặc hướng dẫn triển khai tại tỉnh (Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hộ tịch, đất đai, đăng ký doanh nghiệp, dân số, tài chính, bảo hiểm...); tích cực tham mưu xây dựng, triển khai ứng dụng có hiệu quả các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyên ngành của tỉnh, thường xuyên cập nhật, làm mới, làm giàu dữ liệu phục vụ quản lý, điều hành, giải quyết dịch vụ công và từng bước cung cấp dữ liệu mở cho cộng đồng xã hội.

6. Kinh tế số và xã hội số

Kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh tiếp tục phát triển. Các tổ chức, doanh nghiệp ngày càng nhận thức rõ hơn việc sử dụng công nghệ số và dữ liệu số làm yếu tố đầu vào chính, sử dụng môi trường số làm không gian hoạt động chính, sử dụng công nghệ thông tin (CNTT) - viễn thông để đổi mới mô hình kinh doanh, tăng năng suất lao động. Người dân đã tăng cường tiếp cận, rèn luyện kỹ năng số để sử dụng các dịch vụ số, từ đó, hình thành các mối quan hệ mới trong môi trường số, hình thành thói quen số và văn hóa số.

Ngành Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục phối hợp ngành Thông tin và Truyền thông triển khai khảo sát nhu cầu gói hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ; hướng dẫn các doanh nghiệp truy cập vào các Cổng thông tin digital.business.gov.vn, smedx.vn để nắm thông tin về các Chương trình; tiếp cận kiến thức, tài liệu về chuyển đổi số; thực hiện tự đánh giá mức độ chuyển đổi số và đăng ký tham gia sử dụng các nền tảng số của Chương trình... Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số là 58,51%. Các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin tiếp tục mở rộng mạng lưới, đẩy mạnh cung cấp hàng hóa, dịch vụ, góp phần phát triển kinh tế số ICT trên địa bàn tỉnh.

Ngành Công Thương tiếp tục triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng cơ sở dữ liệu công nghiệp và thương mại tỉnh Quảng Bình”; duy trì hoạt động hệ thống phần mềm bản đồ số ngành công thương; tổ chức các lớp tập huấn tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về thuế trong việc kê khai, nộp thuế từ các giao dịch điện tử; triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng giải pháp công nghệ số để truy xuất nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm, xây dựng “Gian hàng Việt trực tuyến” trên các sàn thương mại điện tử lớn, có uy tín hoặc phát triển thương hiệu trên môi trường internet thông qua kênh truyền thông marketing trên nền tảng số... Sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh có 145 doanh nghiệp thành viên đăng ký tham gia và được niêm yết với gần 300 sản phẩm được chào bán, trong đó phần lớn là các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc sản của tỉnh.

Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp tục xây dựng, nâng cấp, phát triển và duy trì khai thác các hệ thống phần mềm, giải pháp công nghệ số phục vụ công tác quản lý, hỗ trợ hoạch định các chính sách, điều hành phát triển nông nghiệp; xây dựng, phát triển nền tảng dữ liệu về quản lý đất nông nghiệp, quản lý và bảo vệ rừng, tưới tiêu, cây trồng, vật nuôi, thủy sản, thủy lợi...; truyền thông, phổ biến, chia sẻ các kiến thức, kinh nghiệm, bài học về chuyển đổi số nông nghiệp, các mô hình, giải pháp ứng dụng công nghệ số để tự động hóa một

số quy trình sản xuất, kinh doanh phù hợp với điều kiện của địa phương; phối hợp tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn, hỗ trợ các hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ sản xuất nông nghiệp về kỹ năng tham gia trên môi trường số, mở tài khoản thanh toán trực tuyến, giới thiệu, tiêu thụ nông sản, nhất là các sản phẩm OCOP lên sàn thương mại điện tử.

Ngành Văn hóa, ngành Du lịch đang đẩy mạnh xây dựng hạ tầng số, ứng dụng công nghệ số, hoàn thiện cơ sở dữ liệu số để nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành lĩnh vực văn hóa, du lịch, phát triển thư viện số, quản trị di sản thiên nhiên - văn hóa - lịch sử bền vững, kiểm soát các sự kiện văn hóa, giải trí và du lịch; quan tâm tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ văn hóa, du lịch về công nghệ thông tin, công nghệ số. Tiếp tục thực hiện xây dựng Bảo tàng số giai đoạn 2; phát triển các hệ thống thông tin, dịch vụ đô thị thông minh trên nền thông tin địa lý (GIS), trong đó có ứng dụng Bản đồ số Du lịch với các hình ảnh, video trực quan, sinh động gắn liền với các điểm du lịch đặc trưng, tái hiện không gian 2D/3D xung quanh điểm tham quan du lịch.

Ngành Tài nguyên và Môi trường đã hoàn thành kết nối dữ liệu đất đai của 7/8 huyện, thị xã, thành phố (127/159 xã, phường, thị trấn - bao gồm cả đơn vị hành chính cũ và mới) trên Hệ thống thông tin đai cấp tỉnh với Bộ Tài nguyên và Môi trường, phục vụ chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Xây dựng, phối hợp triển khai nền tảng bản đồ số của tỉnh phục vụ phát triển, ứng dụng các HTTT, CSDL chuyên ngành, CSDL dùng chung và dịch vụ đô thị thông minh trên nền thông tin địa lý (GIS).

Ngành Giao thông vận tải triển khai mô hình điểm “Triển khai thiết bị giám sát thi cử, sát hạch lái xe” tại Trung tâm sát hạch lái xe thuộc Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công Nông nghiệp Quảng Bình với nội dung triển khai thiết bị xác minh di động và đầu đọc CCCD gắn chip đảm bảo chính xác danh tính học viên, tránh gian lận trong thi cử, sát hạch lái xe; tổ chức xây dựng Trung tâm quản lý giám sát và điều hành hệ thống vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt thông minh.

Công an tỉnh tích cực chủ trì tham mưu, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương triển khai Đề án 06. 61% công dân đủ 15 tuổi trở lên được kích hoạt tài khoản định danh điện tử. Ứng dụng VNeID được đa số người dân tiếp cận, cài đặt sử dụng với các tiện ích tích hợp thông tin, giấy tờ. Đã triển khai đầy đủ 25/25 dịch vụ công thiết yếu theo yêu cầu của Đề án 06, trong đó 10 dịch vụ công có tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt 100%. Đối với 28 dịch vụ công theo Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ, đã triển khai được 17 dịch vụ công với tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận trực tuyến đạt tỷ lệ 98,5%.

Ngành Giáo dục và Đào tạo triển khai dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ sử dụng giải pháp ký số tập trung cho 1.800 giáo viên. 100% người học, 100% nhà giáo được quản lý bằng hồ sơ số với định danh thống nhất toàn quốc. 98,6% cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu được quản lý bằng hồ sơ số. 38,7% trường học, cơ sở giáo dục triển khai thu không dùng tiền mặt. 65,2% trường học, cơ sở giáo dục sử

dụng hồ sơ điện tử, chữ ký số. 213 trường học, cơ sở giáo dục được thực hiện thí điểm Học bạ số, đạt 100% kế hoạch đề ra trong năm 2024.

Ngành Y tế có 187/187 cơ sở khám chữa bệnh triển khai tiếp đón người bệnh đăng ký vào khám chữa bệnh BHYT bằng thẻ CCCD; 08/08 đơn vị y tế đủ điều kiện triển khai cấp giấy khám sức khỏe điện tử. 100% cơ sở khám chữa bệnh triển khai thanh toán không dùng tiền mặt, trong đó có 11 đơn vị đã triển khai thanh toán không dùng tiền mặt tích hợp với phần mềm khám chữa bệnh.

Ngành Bảo hiểm xã hội triển khai kỹ thuật bảo đảm từng bước sử dụng thẻ CCCD, VNeID thay thế thẻ BHYT giấy để khám, chữa bệnh BHYT. 99,81% thẻ BHYT đã được đồng bộ, tích hợp thành công thông tin vào CSDLQG về dân cư. 100% hồ sơ giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp được thực hiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. 83,15% lượt tiếp đón thành công bệnh nhân KCB BHYT bằng CCCD gắn chip. 33,54% lượt tiếp đón thành công bệnh nhân KCB BHYT bằng CCCD gắn chip kết hợp xác thực sinh trắc.

Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội tăng cường tuyên truyền, cung cấp thông tin về các phiên giao dịch việc làm cho người lao động bằng hình thức online thông qua website, Fanpage Sàn giao dịch việc làm và mạng xã hội Zalo; đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn đối tượng thực hiện trợ cấp an sinh xã hội không dùng tiền mặt; tiếp tục triển khai chi trả trợ cấp an sinh xã hội qua hệ thống Bưu điện.

Ngành Tư pháp phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu tổ chức kết nối Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh với ứng dụng VNeID của Bộ Công an và Phần mềm quản lý lý lịch tư pháp dùng chung của Bộ Tư pháp; tiếp tục thực hiện số hóa dữ liệu hộ tịch, phân đấu hoàn thành toàn bộ hồ sơ hộ tịch đáp ứng yêu cầu, điều kiện trong năm 2024.

Ứng dụng công nghệ số, dữ liệu số trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng được triển khai mạnh mẽ, toàn diện. Cục Thuế Quảng Bình đang nằm trong nhóm đi đầu cả nước về chuyển đổi số công tác quản lý thuế, hỗ trợ khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế và hóa đơn điện tử. Tỷ lệ doanh nghiệp tham gia dịch vụ khai thuế điện tử đạt 99,7%. Tỷ lệ doanh nghiệp đang hoạt động sử dụng dịch vụ nộp thuế điện tử đạt gần 100%. Tỷ lệ doanh nghiệp đăng ký hóa đơn điện tử thành công đạt 100%. Tỷ lệ hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử thành công đạt 100%.

Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Quảng Bình thường xuyên tổ chức các hội nghị, sự kiện, hoạt động về chuyển đổi số ngành ngân hàng và thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt. Các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng đẩy mạnh cung cấp dịch vụ ngân hàng số theo hướng phát triển đa dạng các kênh phân phối, tự động hóa quy trình và mô hình kinh doanh mới, đưa dịch vụ tài chính - ngân hàng đến vùng sâu, vùng xa chưa có khả năng tiếp cận hoặc chưa được ngân hàng phục vụ. Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác tại tỉnh là 109,5%.

7. An toàn thông tin mạng

UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh tiếp tục chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương phối hợp với các cơ quan truyền thông, báo chí tăng cường tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, tổ chức nhà nước và người dùng internet trên địa bàn; quán triệt thực hiện các văn bản liên quan đến công tác đảm bảo ATTT của Trung ương, các hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông và các quy chế quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyên ngành của tỉnh.

Trung tâm dữ liệu điện tử tỉnh tiếp tục duy trì thực hiện cơ bản đầy đủ mô hình bảo đảm an toàn thông tin chuyên nghiệp “4 lớp”, có kết nối, chia sẻ dữ liệu với Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng quốc gia. 12 hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh triển khai đầy đủ phương án bảo vệ theo Hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt, trong đó, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh tiếp tục duy trì bảo đảm an toàn thông tin để kết nối, khai thác dữ liệu chia sẻ từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký kinh doanh và Công Dịch vụ công quốc gia.

Trên cơ sở đề xuất hỗ trợ của Công ty Cổ phần Phần mềm diệt virus BKAV và chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông đã tổ chức tiếp nhận, phân bổ 6.000 bản quyền BKAV Endpoint AI để cài đặt cho máy tính của cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trong toàn tỉnh và cán bộ, viên chức làm việc trong các đơn vị của ngành Y tế, Giáo dục và Đào tạo. Công an tỉnh đã phối hợp Trung tâm Công nghệ và giải pháp chuyển đổi số trong giáo dục thuộc Đại học Bách khoa Hà Nội đã tổ chức Chương trình đào tạo MOOCs “Nâng cao nhận thức an toàn trên không gian số phục vụ Đề án 06” (dean06.daotao.ai) cho 282 học viên thuộc 29 sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và 08 UBND huyện, thị xã, thành phố. Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của tỉnh đã tổ chức 01 lớp tập huấn, 01 cuộc diễn tập thực chiến, rà soát, phát hiện, ban hành 30 văn bản cảnh báo; hướng dẫn, phối hợp xử lý 2.913 lỗ hổng bảo mật, 1.718 điểm yếu bảo mật mức độ thấp và trung bình; chưa phát sinh các sự cố, vụ việc tấn công mạng quy mô lớn, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và máy tính làm việc của cán bộ, công chức, viên chức.

Lũy kế đến nay, hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng và phòng chống mã độc tập trung của tỉnh đã giám sát, bảo đảm an toàn thông tin cho toàn bộ hệ thống máy chủ tại Trung tâm dữ liệu điện tử tỉnh và hơn 3.000 máy tính đầu cuối; đã tập huấn, bồi dưỡng về an toàn, an ninh mạng cho 100% thành viên Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của tỉnh, 100% cán bộ chuyên trách an toàn thông tin mạng các cấp và gần 5.000 lượt cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị hành chính các cấp.

8. Kinh phí thực hiện

Tổng hợp kinh phí thực hiện các dự án, hoạt động ứng dụng CNTT, phát triển chính quyền số, chuyển đổi số trọng tâm năm 2024: *Phụ lục I kèm theo Kế hoạch này.*

(Handwritten mark)

(Handwritten signature)

9. Tồn tại, hạn chế

Toàn tỉnh vẫn còn 21 thôn/bản thuộc 05 xã miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số của 04 huyện chưa có điện lưới, chưa có sóng điện thoại di động và dịch vụ internet băng rộng. Một bộ phận người dân, nhất là các hộ nghèo, hộ cận nghèo chưa có điều kiện sở hữu, sử dụng thiết bị máy tính, điện thoại thông minh và kết nối internet băng rộng để tiếp cận công nghệ, dịch vụ số, nâng cao kiến thức, kỹ năng số.

Việc bố trí nhân lực cho đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin, cho bộ phận hoặc đầu mối thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số tại sở, ban, ngành, địa phương gặp rất nhiều khó khăn do thiếu biên chế và nhân sự phù hợp. Lực lượng cán bộ, công chức tại cơ quan quản lý nhà nước về công nghệ thông tin, chuyển đổi số (Sở Thông tin và Truyền thông, Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện) còn quá mỏng, năng lực chưa đáp ứng yêu cầu tham mưu quản lý nhà nước, triển khai nhiệm vụ, giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số.

Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đang trong giai đoạn nâng cấp, hoàn thiện theo yêu cầu, hướng dẫn của Trung ương nên đôi lúc có ảnh hưởng đến hoạt động nghiệp vụ của cán bộ và dịch vụ cung cấp cho người dân. Tỷ lệ hồ sơ TTHC xử lý quá hạn vẫn cao hơn so với trung bình cả nước.

Do điều kiện ngân sách của tỉnh còn hạn chế nên việc triển khai xây dựng, phát triển các cơ sở dữ liệu, làm giàu dữ liệu số ở nhiều chuyên ngành, lĩnh vực còn gặp khó khăn. Hoạt động phát triển doanh nghiệp công nghệ số tại tỉnh còn hạn chế. Việc thu hút đầu tư xây dựng công nghiệp công nghệ thông tin, hình thành các khu công nghiệp công nghệ thông tin tập trung, khu công nghệ cao gặp nhiều khó khăn, đến nay chưa thực hiện được.

Nhân lực chuyên trách, phụ trách bảo đảm an toàn thông tin trong các cơ quan, đơn vị nhà nước chưa đáp ứng nhu cầu. Một số sở, ngành, địa phương chưa quan tâm bố trí nguồn lực triển khai bảo đảm an toàn thông tin. Nhiều hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, nội bộ chưa được đề xuất, phê duyệt hồ sơ cấp độ và triển khai các phương án, biện pháp bảo đảm an toàn tương ứng. Tại một số cơ quan, đơn vị vẫn xảy ra sự cố gây mất an toàn thông tin và tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng an ninh mạng.

Phần II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2025

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ Chuyển đổi số Quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

- Quyết định số 1690/QĐ-TTg ngày 26/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

- Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030;

- Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động Chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu giai đoạn 2024-2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 2568/QĐ-BTTTT ngày 29/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 3.0 hướng tới Chính phủ số;

- Công văn số 3816/BTTTT-CĐSQG ngày 14/9/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số năm 2025;

- Kế hoạch số 2394/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm ATTT mạng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025;

- Kế hoạch số 698/KH-UBND ngày 28/4/2022 của UBND tỉnh về chuyển đổi số giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 để thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 31/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Bình;

- Kế hoạch số 1141/KH-UBND ngày 28/6/2022 của UBND tỉnh triển khai thực hiện phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Tiếp tục duy trì, phát triển và nâng cao chất lượng các chỉ tiêu đã đạt được trong thời gian qua để từng bước hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 31/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và cải thiện vị trí xếp hạng mức độ chuyển đổi số của tỉnh.

- Xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số tỉnh Quảng Bình tổng thể, toàn diện, có mô hình hoạt động được thiết kế, vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số để đưa hoạt động của các cấp chính quyền lên môi trường số, bảo đảm an toàn thông tin; phát triển kinh tế số, xã hội số để thay đổi mô hình quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức sống, làm việc của người dân, tạo ra các giá trị mới cho xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Chính quyền số

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt tỷ lệ trung bình tối thiểu 95% thủ tục hành chính có đủ điều kiện.

- Hồ sơ trực tuyến toàn trình của các dịch vụ công trực tuyến đạt tỷ lệ trung bình tối thiểu 70% trên tổng số hồ sơ TTHC.

- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến so với hồ sơ TTHC có phí, lệ phí tối thiểu 70%.

- Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết TTHC thông qua định danh điện tử VNeID đạt 100%.

- Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử đạt 100%.

- Tỷ lệ thực hiện quy trình số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt 100%.

- Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng trong giải quyết TTHC đạt 90%.

- Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) tại cấp tỉnh đạt 100%; cấp huyện đạt 99%; cấp xã đạt 90%.

- Tỷ lệ phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước đạt 100%, tỷ lệ triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ của các cơ quan nhà nước đạt 100%;

b) Kinh tế số và xã hội số

- Tỷ trọng kinh tế số trên GDP đạt tối thiểu 15%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử trong lĩnh vực thương mại đạt trên 90%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 60%.
- 100% trung tâm thương mại; 80% cơ sở cung cấp dịch vụ ăn uống, bán lẻ hàng hóa tại các trung tâm thương mại, cửa hàng bán lẻ hàng tiêu dùng triển khai giải pháp hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền để chống thất thu thuế, thất thu ngân sách.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành được cấp chứng thư chữ ký số, chứng thư chữ ký điện tử đạt trên 50%.
- Tối thiểu 90% công dân dưới 14 tuổi, đủ điều kiện trên địa bàn tỉnh được cấp thẻ căn cước
- Trên 80% đối tượng hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp đăng ký chi trả trợ cấp không dùng tiền mặt
- 100% các thôn, bản đang lờm sóng và đã có điện lưới quốc gia được phủ sóng băng rộng di động; 100% số hộ gia đình có khả năng tiếp cận dịch vụ internet cáp quang băng rộng.
- Tỷ lệ cơ sở giáo dục triển khai nền tảng hỗ trợ dạy, học từ xa và có thể chia sẻ tài nguyên dạy và học đạt 70%.
- Tỷ lệ triển khai Học bạ số đối với giáo dục phổ thông đạt 100%.
- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục trên toàn tỉnh triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt đạt tỷ lệ 60%.
- Tỷ lệ các bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh triển khai Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VNeID đạt 100%.

III. GIẢI PHÁP, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức quán triệt, thực hiện hoàn thành Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 31/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Quảng Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Nghị quyết số 165/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh thông qua Đề án phát triển chính quyền điện tử và dịch vụ đô thị thông minh tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030, Kế hoạch số 698/KH-UBND ngày 28/4/2022 của UBND tỉnh về chuyển đổi số giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 để thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 31/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Bình.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, công chức, viên chức, cộng đồng doanh nghiệp và người dân về sự cần thiết của chuyển đổi số. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu về kết quả, hiệu quả chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị, lĩnh vực, địa bàn phụ trách; lấy việc triển khai thực hiện chuyển đổi số là một trong những tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của người đứng đầu.

2. Thể chế, chính sách số

- Tiếp tục xây dựng các văn bản, kế hoạch để triển khai, thực thi các chương trình, kế hoạch của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về chuyển đổi số. Ban hành, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật của tỉnh phù hợp với điều kiện thực tế để thúc đẩy chuyển đổi số, xây dựng đô thị thông minh tại tỉnh.

- Duy trì triển khai và thường xuyên cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số, Kiến trúc công nghệ thông tin và truyền thông phát triển đô thị thông minh của tỉnh. Xây dựng, hoàn thiện các quy định, quy chế quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng, kết nối, chia sẻ dữ liệu của các nền tảng số, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyên ngành của tỉnh.

- Tiếp tục ban hành, triển khai các văn bản, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực; thu hút, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng nhân lực công nghệ thông tin, chuyển đổi số; nâng cao kiến thức, kỹ năng tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân; hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số, dữ liệu số trong sản xuất, kinh doanh.

3. Hạ tầng số, dữ liệu số

- Tiếp tục nâng cao năng lực, chất lượng dịch vụ và mở rộng kết nối, giám sát, kiểm soát truy cập tập trung của Mạng truyền số liệu chuyên dùng, bảo đảm ổn định, thông suốt, kết nối bốn cấp hành chính từ Trung ương đến cấp xã để phục vụ Chính phủ số. Duy trì và nâng cao chất lượng đường truyền và hệ thống dịch vụ trên Mạng chuyên dùng tại sở, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, nâng cấp thêm các hệ thống ứng dụng khác đến cấp xã ngoài hệ thống hội nghị truyền hình hiện nay. Tiếp tục nâng cấp, mở rộng ứng dụng đến 151/151 xã, phường, thị trấn, bảo đảm kết nối thông suốt từ Trung ương đến cấp xã.

- Xây dựng, triển khai quy hoạch phát triển hạ tầng số, hạ tầng băng rộng (di động, cố định) hướng tới phủ rộng với băng thông rộng, tốc độ cao; đẩy mạnh thực hiện các giải pháp để thực hiện xóa vùng lùm sóng di động băng rộng, chưa có băng rộng cố định tại các địa phương, phấn đấu 100% các thôn, bản đang lùm sóng và đã có điện lưới quốc gia được phủ sóng băng rộng di động; 100% số hộ gia đình có khả năng tiếp cận dịch vụ internet cáp quang băng rộng; triển khai cung cấp dịch vụ di động 5G, trong đó tập trung triển khai phủ sóng tại các đô thị, khu công nghiệp, thương mại.

- Duy trì, nâng cấp, phát triển hạ tầng Trung tâm dữ liệu điện tử của tỉnh bảo đảm năng lực phục vụ các nền tảng số, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyên ngành hiện tại của tỉnh và triển khai các nền tảng ứng dụng mới trong năm 2025 cũng như giai đoạn trung hạn tới, phù hợp với định hướng chung của quốc gia về phát triển Trung tâm dữ liệu quốc gia.

- Nâng cấp, phát triển nền tảng tích hợp, liên thông cho Chính quyền điện tử và đô thị thông minh để hình thành hệ thống các nền tảng quản lý, phân tích, tổng hợp, tích hợp, chia sẻ, biểu diễn dữ liệu dùng chung, tập trung của tỉnh theo định hướng chuyển đổi số, lấy dữ liệu làm trung tâm (Data-Centric). Thúc đẩy mạnh mẽ việc số hóa, phát triển, làm giàu dữ liệu số, bảo đảm cung cấp dữ liệu

cho quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ trực tuyến. Tăng cường triển khai ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) để phân tích, khai thác dữ liệu. Cung cấp các bộ dữ liệu mở có chất lượng và giá trị khai thác cao, mở dữ liệu theo quy định của pháp luật để phục vụ chuyên đổi số toàn diện.

- Xây dựng, hoàn thiện các nền tảng số có khả năng triển khai dùng chung rộng khắp, nhất là lĩnh vực ưu tiên chuyên đổi số được xác định tại Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 31/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Kết nối và tổ chức khai thác hiệu quả các nền tảng dùng chung quy mô quốc gia về định danh và xác thực điện tử, thanh toán điện tử, thông tin báo cáo, điều hành an toàn thông tin mạng, cơ sở dữ liệu dân cư, hộ tịch, đăng ký kinh doanh... Đẩy nhanh tiến độ xây dựng, phát triển các CSDL ngành, lĩnh vực tại các sở, ngành, địa phương đã được xác định trong Danh mục đã được UBND tỉnh phê duyệt, thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành, địa phương.

4. Nhân lực số

- Rà soát, kiện toàn các đơn vị, bộ phận và đội ngũ cán bộ chuyên trách, phụ trách CNTT của sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã. Tổ chức bố trí, sắp xếp lực lượng cán bộ kỹ thuật phục vụ triển khai, cung cấp các dịch vụ chính quyền số, đô thị thông minh, bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm nhằm truyền thông, nâng cao kiến thức, nhận thức cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp về chuyển đổi số, đô thị thông minh. Đẩy mạnh công tác đào tạo, tập huấn bồi dưỡng về chuyển đổi số, kỹ năng vận hành, khai thác, sử dụng các nền tảng số, cơ sở dữ liệu, ứng dụng chính quyền số gắn với cải cách hành chính cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.

- Tăng cường thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao bổ sung vào đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT, an toàn thông tin mạng trong các cơ quan nhà nước. Tranh thủ, phát huy, tận dụng tối đa sự đóng góp của các nhà khoa học, chuyên gia lĩnh vực chuyển đổi số trong xây dựng, hoạch định chương trình, kế hoạch, triển khai các đề án, dự án, hoạt động ứng dụng CNTT, công nghệ số, phát triển chính quyền số, đô thị thông minh. Chú trọng triển khai đào tạo, phát triển nhân lực số trong cơ sở giáo dục đào tạo cao đẳng, đại học, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý phù hợp với thực tiễn địa phương.

5. Chính quyền số

a) Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến

- Tập trung rà soát thực hiện tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, bảo đảm cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuận lợi, đơn giản hơn. Đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và tái sử dụng dữ liệu số hóa trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Tiếp tục hoàn thiện tính năng, tiện ích và tổ chức ứng dụng hiệu quả hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh. Triển khai các giải pháp để định danh và

xác thực người dùng dịch vụ công trực tuyến thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID.

- Nâng cao chất lượng cung cấp và hiệu quả tuyên truyền, phổ biến, trợ giúp người dân và doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến. Tiếp tục triển khai hướng dẫn và cấp chữ ký số cho người dân để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, đảm bảo giá trị pháp lý của các tài liệu, giấy tờ đã được số hóa.

b) Triển khai quản trị số để nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành, giải quyết công việc thông qua sử dụng các nền tảng số, dữ liệu số, trợ lý ảo

- Thực hiện tiếp nhận, kế thừa, phát triển, khai thác có hiệu quả các hệ thống thông tin, CSDL đã được Trung ương xây dựng, triển khai (các CSDL về dân cư, đất đai, đăng ký doanh nghiệp, dân số, tài chính, bảo hiểm...).

- Tiếp tục hoàn thiện, duy trì, quản lý, vận hành và tổ chức ứng dụng sâu rộng các hệ thống thông tin dùng chung chính quyền số cơ bản. Lựa chọn, xây dựng, phát triển, triển khai các ứng dụng, dịch vụ chuyển đổi số quản lý nhà nước chuyên ngành, lĩnh vực theo hướng trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện bố trí nguồn lực thực hiện và bảo đảm kết nối, liên thông, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, lĩnh vực của Trung ương.

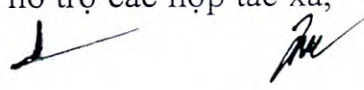
- Tiếp tục xây dựng, triển khai Trung tâm điều hành đô thị thông minh cấp huyện gắn với cung cấp các dịch vụ thông minh phù hợp tại các địa phương, có kết nối, kế thừa, chia sẻ tài nguyên, dữ liệu với các nền tảng dùng chung của tỉnh; tập trung triển khai thử nghiệm, thí điểm tại đô thị và nhanh chóng đánh giá, rút kinh nghiệm để tổ chức mở rộng ra các địa bàn khác trên toàn tỉnh.

- Nghiên cứu xây dựng, triển khai các nền tảng, hệ thống, phần mềm theo dõi, quản lý giám sát, đo lường việc triển khai các nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án trong các ngành, lĩnh vực; tăng cường ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo, trợ lý ảo trong cơ quan nhà nước để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quả và năng suất lao động.

6. Kinh tế số và xã hội số

- Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi về chuyển đổi nền kinh tế dựa trên công nghệ số và nền tảng số, về kinh tế số ICT, kinh tế số internet và kinh tế số ngành. Tổ chức các chương trình, diễn đàn phổ biến kiến thức, chia sẻ kinh nghiệm của những doanh nghiệp trong từng lĩnh vực đang thành công nhờ các mô hình kinh doanh sáng tạo với công nghệ số. Phối hợp cung cấp các nội dung số, dịch vụ số về khoa học và công nghệ phục vụ người dân và doanh nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.

- Triển khai các hoạt động hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ngành nghề truyền thống, doanh nghiệp sản xuất chuyển đổi sang sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ trên các nền tảng số. Tích cực hỗ trợ các hợp tác xã,



hộ gia đình, nhóm hộ gia đình tham gia các sàn thương mại điện tử lớn trong và ngoài nước nhằm thúc đẩy quảng bá và tiêu thụ hàng nông sản, sản phẩm đặc trưng và tiềm năng của tỉnh.

- Hỗ trợ, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số, đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong doanh nghiệp: Phát triển các khu hạ tầng năng lượng xanh, tái tạo và có điều kiện giao thông, du lịch thuận tiện; hỗ trợ các doanh nghiệp đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong hoạt động chuyển đổi số.

- Hỗ trợ triển khai phát triển kinh tế số trong lĩnh vực thương mại điện tử: Khuyến khích chuyển đổi mô hình hoạt động của các cửa hàng bán lẻ, cửa hàng tạp hoá và chợ truyền thống; các làng nghề thủ công mỹ nghệ dựa trên công nghệ số và dữ liệu số; hình thành liên kết, chuỗi cung ứng số hoá toàn trình từ khâu phân phối hàng hoá, quản lý kho hàng đến quản trị kinh doanh, thương mại trên các kênh số; đẩy mạnh công tác quản lý thuế, tiếp tục cung cấp các dịch vụ thuế điện tử hỗ trợ việc kê khai, nộp thuế theo phương thức điện tử, triển khai các giải pháp về hóa đơn điện tử đối với hoạt động thương mại điện tử, livestream bán hàng trên các nền tảng công nghệ số; xây dựng mô hình quản lý rủi ro đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh thương mại điện tử, livestream bán hàng; đẩy mạnh áp dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để xử lý dữ liệu lớn, đưa ra các cảnh báo đối với trường hợp có rủi ro về thuế; triển khai triệt để giải pháp hoá đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền đối với dịch vụ ăn uống, chống thất thu thuế, thất thu ngân sách; ưu tiên phát triển và thúc đẩy sử dụng nền tảng chuyển đổi số lĩnh vực bán buôn, bán lẻ.

- Hỗ trợ phát triển kinh tế số trong lĩnh vực nông nghiệp: Phát triển kinh tế số lĩnh vực nông nghiệp chú trọng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác, tăng tỷ trọng của nông nghiệp công nghệ số trong nền kinh tế; triển khai ứng dụng các giải pháp công nghệ trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản mang lại năng suất và giá trị kinh tế cao; tăng cường kết nối ứng dụng công nghệ số giữa các hợp tác xã với vùng trồng nông nghiệp, cơ sở sản xuất chế biến và các kênh số tiêu thụ nông sản hình thành chuỗi sản xuất nông nghiệp số toàn trình từ khâu sản xuất đến phân phối, tiêu thụ sản phẩm; hình thành chuỗi cung ứng nông nghiệp và truy xuất nguồn gốc nông sản toàn trình từ lúc nuôi trồng cho đến khi tới tay người tiêu dùng; tổ chức thực hiện việc xây dựng các bộ dữ liệu nông nghiệp, nông thôn và các kịch bản sử dụng dữ liệu.

- Hỗ trợ phát triển kinh tế số trong lĩnh vực văn hóa, du lịch: Phát triển kinh tế số du lịch theo hướng ứng dụng công nghệ nhằm tối ưu hóa hoạt động quản trị, vận hành, khai thác, kinh doanh của các cơ sở lưu trú, các danh lam thắng cảnh, các khu du lịch, khu vui chơi, giải trí, các khu bảo tồn di sản văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc; thông qua một nền tảng quản trị và kinh doanh du lịch dùng chung, giải quyết các bài toán quản trị và kinh doanh du lịch của địa phương và ở tầm quốc gia, xây dựng kho dữ liệu có số liệu thống kê chính xác, theo thời gian thực về số lượng khách du lịch đến và lưu trú trên địa bàn tỉnh mình; tổ chức thực hiện việc thu thập, số hóa, hình thành kho dữ liệu và thư viện số cho văn hóa, nghệ thuật của dân tộc, các di sản văn hóa, di tích quốc gia, di

tích quốc gia đặc biệt...; xây dựng kho dữ liệu lớn và các kịch bản sử dụng dữ liệu về khách du lịch, hành vi tiêu dùng của khách du lịch; dữ liệu lớn về các chương trình du lịch, tua du lịch, cơ sở lưu trú, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch phục vụ việc khai thác sử dụng chung để phát triển du lịch.

- Hỗ trợ phát triển kinh tế số trong lĩnh vực logistics: Phát triển kinh tế số lĩnh vực logistics theo hướng ứng dụng công nghệ nhằm tối ưu chi phí logistics toàn trình, xuyên suốt toàn bộ quá trình vận chuyển hàng hóa từ các cảng biển, cửa khẩu, kho - bãi - cảng tới tận tay người tiêu dùng và ngược lại; mở rộng dịch vụ thu phí, giá và tiền dịch vụ khác liên quan đến hoạt động giao thông của phương tiện đường bộ thông qua tài khoản giao thông để đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt trong lĩnh vực giao thông vận tải.

- Hỗ trợ phát triển kinh tế số trong lĩnh vực công nghiệp sản xuất, chế tạo: Phát triển kinh tế số trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo theo hướng ứng dụng nền tảng số công nghệ tiên tiến, hiện đại để thực hiện chuyển đổi các nhà máy trở thành các nhà máy thông minh, sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, giảm thiểu phát thải ra môi trường, phù hợp với xu hướng phát triển xanh trên thế giới.

- Hỗ trợ phát triển kinh tế số gắn liền tài chính, ngân hàng: Ứng dụng dữ liệu để nâng cao năng lực chống rủi ro tài chính, thúc đẩy phát triển tài chính số, thúc đẩy chia sẻ và lưu thông hiệu quả dữ liệu tín dụng tài chính, dữ liệu tín dụng công và dữ liệu tín dụng thương mại trên cơ sở tuân thủ và an toàn pháp lý, hỗ trợ chia sẻ dữ liệu kiểm soát rủi ro giữa các bên tổ chức tài chính và tích hợp phân tích tài chính dữ liệu đa chiều như thị trường, tài sản tín dụng và xác minh rủi ro phát huy đầy đủ vai trò thúc đẩy của công nghệ tài chính và các yếu tố dữ liệu nhằm hỗ trợ và nâng cao khả năng chống gian lận và chống rửa tiền của các tổ chức tài chính và cải thiện mức độ cảnh báo và phòng ngừa rủi ro.

- Phát triển kinh tế số gắn liền với tài nguyên, môi trường, xanh, bền vững: Tổ chức triển khai việc số hóa, phát triển kho dữ liệu lớn và các kịch bản sử dụng dữ liệu trong lĩnh vực tài nguyên môi trường, bao gồm: Nền địa lý quốc gia; đất đai quốc gia; viễn thám; khí tượng thủy văn; biến đổi khí hậu; môi trường; nguồn thải; đa dạng sinh học; tài nguyên nước; địa chất, khoáng sản; tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; quan trắc tài nguyên và môi trường.

- Tăng cường phối hợp xây dựng và khai thác nền tảng cung cấp các khóa học đại trà trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp để nâng cao kiến thức chuyển đổi số, kỹ năng số cho người dân. Tuyên truyền, phổ biến, áp dụng Bộ quy tắc ứng xử trên môi trường số, xây dựng văn hóa số trong cộng đồng.

- Tiếp tục triển khai Chỉ thị số 31/CT-TU ngày 05/5/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện “Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử, phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

- Tiếp tục thúc đẩy phát triển thanh toán không dùng tiền mặt theo Kế hoạch số 1509/KH-UBND ngày 19/8/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

7. An toàn thông tin mạng

- Tiếp tục rà soát, hoàn thành phân loại, xác định, đề xuất, phê duyệt cấp độ và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin phù hợp với quy định của pháp luật và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho các hệ thống hạ tầng ứng dụng CNTT, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm dùng chung, chuyên ngành, nội bộ.

- Duy trì và nâng cao hiệu quả công tác bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình “4 lớp” tại Trung tâm dữ liệu điện tử của tỉnh, đặc biệt là nâng cao năng lực của lớp giám sát, bảo vệ chuyên nghiệp và kết nối, chia sẻ thông tin với hệ thống giám sát quốc gia, phấn đấu đảm bảo mục tiêu 100% hệ thống thông tin tại Trung tâm dữ liệu điện tử của tỉnh được tổ chức bảo đảm an toàn thông tin thực chất, toàn diện theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức đào tạo hoặc cử nhân sự chuyên trách/phụ trách về an toàn thông tin/CNTT tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân.

- Xây dựng, cập nhật và triển khai các quy định, kế hoạch về ứng phó sự cố; các hoạt động của đội ứng cứu sự cố, việc tham gia hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia. Tổ chức tối thiểu 01 cuộc diễn tập thực chiến bảo đảm an toàn thông tin mạng trong năm 2025; triển khai đánh giá mức độ trưởng thành của đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng và nâng cao năng lực của Đội (theo Quyết định số 2029/QĐ-BTTTT ngày 23/10/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành “Mô hình đánh giá mức độ trưởng thành của đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng”).

- Hoàn thiện quy trình, phương án, giải pháp ứng cứu sự cố, sẵn sàng phục hồi nhanh hoạt động của hệ thống thông tin khi gặp sự cố, đưa hoạt động của hệ thống thông tin trở lại bình thường tại các cơ quan, tổ chức, đưa hoạt động trở lại bình thường trong vòng 24 tiếng hoặc theo yêu cầu nghiệp vụ, đặc biệt là đối với 12 hệ thống thông tin, nền tảng số phục vụ người dân và doanh nghiệp tại Sở Thông tin và Truyền thông đang vận hành quản lý.

8. Danh mục các nhiệm vụ, dự án, đề án trọng tâm về chuyển đổi số

- Phụ lục II kèm theo Kế hoạch này.





III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngân sách cấp tỉnh cân đối, cấp kinh phí cho việc triển khai thực hiện nhiệm vụ của các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh.

2. UBND cấp huyện, cấp xã chủ động bố trí tối thiểu 2% tổng chi ngân sách của cấp huyện, cấp xã cho hoạt động chuyển đổi số tại địa phương mình phù hợp với chủ trương, định hướng chung của toàn tỉnh.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì tổ chức triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra và phối hợp với các cấp, các ngành triển khai thực hiện Kế hoạch; tổng hợp kết quả báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính xây dựng dự toán kinh phí thực hiện các chương trình, dự án trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Đẩy mạnh chỉ đạo, hướng dẫn các hoạt động truyền thông về chuyển đổi số, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số như: Xây dựng chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, tọa đàm, hội thảo, các chương trình truyền hình, các giải pháp truyền thông hiện đại để tuyên truyền rộng rãi về các kế hoạch, nội dung, hoạt động chuyển đổi số của tỉnh; nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen hành vi, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về thực hiện chuyển đổi số...

2. Công an tỉnh

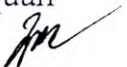
- Phát huy vai trò Cơ quan Thường trực, bám sát chỉ đạo, hướng dẫn của Tổ Công tác triển khai Đề án 06 của Chính phủ, Bộ Công an để tham mưu UBND, Tổ Công tác triển khai Đề án 06 tỉnh chỉ đạo, triển khai, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Đề án 06 trên địa bàn tỉnh bảo đảm hiệu quả, đúng tiến độ.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông cùng các đơn vị có liên quan rà soát, phát hiện, hướng dẫn xử lý các lỗ hổng bảo mật và đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng đối với các hệ thống thông tin của tỉnh.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính

Trên cơ sở nguồn vốn ngân sách tỉnh Quảng Bình năm 2025, cân đối, đề xuất bố trí đủ kinh phí để thực hiện Kế hoạch này, ưu tiên cho hạng mục phát triển hạ tầng, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu số dùng chung của tỉnh và trên chuyên ngành, lĩnh vực quan trọng để bảo đảm phát triển đi trước, làm nền móng vững chắc thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện ở các cấp địa phương; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí cụ thể chi cho ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.





4. Văn phòng UBND tỉnh

Tổ chức hướng dẫn các sở, ban, ngành, địa phương rà soát, đề xuất, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh phê duyệt danh mục, quy trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần triển khai trong năm 2025.

5. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức đẩy mạnh ứng dụng CNTT, công nghệ số gắn kết với cải cách hành chính; tham mưu cho UBND tỉnh ban hành cơ chế, chính sách đối với đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT, an toàn thông tin mạng trong cơ quan nhà nước theo quy định, hướng dẫn của Trung ương, phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của tỉnh.

6. Các sở, ngành, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ vào nội dung tại Kế hoạch này và yêu cầu, điều kiện thực tiễn để ban hành, triển khai Kế hoạch chuyển đổi số năm 2025 của cơ quan, đơn vị, địa phương; sắp xếp, bố trí hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền bố trí, hỗ trợ nguồn vốn, kinh phí để triển khai thực hiện; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

- Chủ động nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính quyết liệt của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về ứng dụng CNTT, chuyển đổi số để xây dựng thành công “cơ quan số”, “ngành số”, “địa phương số” tại cấp mình; coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Tổ chức tuyên truyền về kế hoạch và kết quả thực hiện chuyển đổi số của cơ quan, ngành, địa phương trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, trang thông tin điện tử thành phần của cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ngành liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đúng quy định.

- Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch này về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

7. Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông

- Bưu điện tỉnh, Bưu chính Viettel tiếp tục tham gia, phối hợp hoạt động hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp, sản phẩm OCOP lên sàn thương mại điện tử Postmart, Voso; nghiên cứu, thực hiện cung cấp dịch vụ hỗ trợ người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến của DVCTT và đề xuất triển khai cơ chế giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đảm nhận một số công việc phù hợp trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC theo Đề án 468 của Chính phủ.

- Các doanh nghiệp viễn thông, internet trên địa bàn tiếp tục phát triển, bảo đảm hạ tầng kết nối internet băng rộng, mạng truyền số liệu chuyên dùng đáp ứng nhu cầu của tổ chức, doanh nghiệp và người dân trong ứng dụng công nghệ số, sử dụng DVCTT, dịch vụ đô thị thông minh; tích cực tham gia các hoạt động phối hợp ứng cứu, khắc phục hậu quả sự cố an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh.

Yêu cầu các sở, ban, ngành, địa phương nghiêm túc triển khai, thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc báo cáo về UBND tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông) để xem xét, điều chỉnh phù hợp. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số (Bộ TTTT);
- Bộ Thông tin và Truyền thông (báo cáo);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đài PT&TH, Báo Quảng Bình;
- Các doanh nghiệp BC, VT trên địa bàn tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Thắng

Phụ lục I

TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN MỘT SỐ DỰ ÁN, HOẠT ĐỘNG
ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, CHUYÊN ĐỘI SỐ NĂM 2024

(Kèm theo Kế hoạch số 2087/KH-UBND ngày 11/11/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)

STT	Tên nhiệm vụ, đề án, dự án	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Kinh phí đã thực hiện năm 2024 (Triệu đồng)		Ghi chú	
				Tổng số	Ngân sách Trung ương		Ngân sách địa phương
I	Kinh phí đầu tư công			40.341	10.266	30.075	
1	Tiếp tục Dự án Chuyển đổi số, QOĐT và ĐTTM tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021 – 2025 (TP 2). Trong đó:		2024-2025	5.766	5.766	-	
1.1	Dự án thành phần 1: Chuyển đổi số, chính quyền điện tử và đô thị thông minh tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021 - 2025 do Sở TT&TT thực hiện	Sở TT&TT	2024-2025	3.026	3.026	-	
1.2	Dự án thành phần 2: Đầu tư máy móc, thiết bị CNTT phục vụ triển khai Đề án 06/Đề án 468 và triển khai số hóa hồ sơ, tài liệu trong lực lượng Công an nhân dân phục vụ chuyển đổi số	Công an tỉnh	2024-2025	600	600	-	
1.3	Dự án thành phần 3: Đầu tư xây dựng, phát triển các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và thiết bị chuyên ngành phục vụ chuyển đổi số ngành Tư pháp	Sở Tư pháp	2024-2025	450	450	-	

(Handwritten mark)

(Handwritten mark)

(Handwritten mark)

STT	Tên nhiệm vụ, đề án, dự án	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Kinh phí đã thực hiện năm 2024 (Triệu đồng)			Ghi chú
				Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	
1.4	<i>Dự án thành phần 4: Đầu tư nâng cấp công nghệ tin du lịch tích hợp phân hệ quản lý nhà nước và số hoá điem đến du lịch tỉnh</i>	Sở Du lịch	2024-2025	1.690	1.690	-	
2	Thực hiện chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình	Sở TT&TT	2023-2025	4.500	4.500	-	
3	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021 - 2025	Văn phòng Tỉnh ủy	2022-2024	4.303	-	4.303	
4	Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin nhằm hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sàn giao dịch việc làm trực tuyến, xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc	Trung tâm Dịch vụ việc làm, Sở LĐ-TB&XH	2023-2025	2.977	-	2.977	
5	Xây dựng cơ sở dữ liệu hạ tầng kỹ thuật dịch vụ công ích thành phố Đồng Hới	Ban quản lý Dịch vụ công ích thành phố Đồng Hới	2023-2024	3.500	-	3.500	
6	Mua sắm lắp đặt hệ thống camera giám sát an ninh 08 mô hình điem tại 08 CA huyện, TX, TP	Công an tỉnh	2024-2025	6.000	-	6.000	

Handwritten signature

Handwritten signature

STT	Tên nhiệm vụ, đề án, dự án	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Kinh phí đã thực hiện năm 2024 (Triệu đồng)			Ghi chú
				Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	
7	Đầu tư mua sắm thiết bị kỹ thuật chuẩn HD cho hệ thống mạng sản xuất chương trình và nâng cao năng lực quản lý của Đài PT&TH Quảng Bình	Đài PT&TH tỉnh	2022-2024	9.000	-	9.000	
8	Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ thu thập, phân tích, dự báo, phổ biến thông tin thị trường lao động; xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người- người tìm việc cho đối tượng thanh niên (của Trung tâm DVVLTN tỉnh Quảng Bình)	Trung tâm Dịch vụ việc làm thanh niên tỉnh Quảng Bình	2023-2025	2.036	-	2.036	
9	Triển khai đồng bộ hạ tầng CNTT và dịch vụ đô thị thông minh thành phố Đồng Hới	Văn phòng HĐND và UBND TP. Đồng Hới	2023-2025	2.259	-	2.259	
II	Kinh phí chi thường xuyên			36.190	6.400	29.790	
1	Thuê dịch vụ nền tảng công dân số tỉnh Quảng Bình năm 2024 và tổ chức tập huấn, tuyên truyền về Chuyên đổi số, Đề án 06	Sở TT&TT	2024	1.450	-	1.450	
2	Thuê hạ tầng dịch vụ vận hành, bảo đảm an toàn thông tin Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh	Sở TT&TT	2024	1.800	-	1.800	

STT	Tên nhiệm vụ, đề án, dự án	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Kinh phí đã thực hiện năm 2024 (Triệu đồng)			Ghi chú
				Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	
3	Thuê dịch vụ đường truyền internet trực tiếp leasedline phục vụ hoạt động của Trung tâm dữ liệu điện tử	Sở TT&TT	2024	715	-	715	
4	Đầu tư, nâng cấp đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông trên địa bàn tỉnh Quảng Bình năm 2024	Sở TT&TT	2024	3.000	2.300	700	
5	Thiết lập Cụm thông tin điện tử phục vụ thông tin, tuyên truyền đối ngoại tại Cửa khẩu Quốc tế Cha Lo	Sở TT&TT	2024	4.748	4.100	648	
6	Duy trì đường truyền mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ kết nối hệ thống họp trực tuyến tại 118 xã, phường, thị trấn (trừ các xã, phường thuộc huyện Quảng Trạch và thị xã Ba Đồn) năm 2024	Sở TT&TT	2024	437	-	437	
7	Hệ thống Sao lưu dữ liệu nhằm bảo đảm an toàn thông tin và phục hồi nhanh hoạt động của các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh cài đặt, vận hành tại Trung tâm dữ liệu điện tử tỉnh năm 2024	Sở TT&TT	2024	576	-	576	



STT	Tên nhiệm vụ, đề án, dự án	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Kinh phí đã thực hiện năm 2024 (Triệu đồng)			Ghi chú
				Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	
8	Xây dựng, cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Bình, phiên bản 3.0, hướng tới Chính quyền số	Sở TT&TT	2024	270	-	270	
9	Gia hạn phần mềm Điều hành và quyết toán ngân sách phiên bản web cho cơ quan tài chính năm 2024	Trung tâm Tin học và Dịch vụ Tài chính công - Sở Tài chính	2024	415	-	415	
10	Xây dựng tài liệu số về quảng bá du lịch tích hợp hệ sinh thái du lịch thông minh	Sở Du lịch	2024	331	-	331	
11	Đầu tư phòng xét xử và trang thiết bị phục vụ phiên tòa xét xử trực tuyến Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình	Tòa án Nhân dân tỉnh	2024	1.250	-	1.250	
12	Phát triển Báo Quảng Bình điện tử giai đoạn 2024-2025, định hướng đến năm 2030	Báo Quảng Bình	2024	2.580	-	2.580	
13	Số hóa cơ sở dữ liệu về hộ tịch điện tử trên địa bàn tỉnh Quảng Bình (giai đoạn 3 và giai đoạn 4)	Sở Tư pháp	2024	5.000	-	5.000	
14	Chuyển đổi số toàn ngành - đợt 2 tại Bảo tàng Tổng hợp tỉnh Quảng Bình	Sở Văn hóa và Thể thao	2024	2.500	-	2.500	

[Handwritten mark]

[Handwritten signature]

STT	Tên nhiệm vụ, đề án, dự án	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Kinh phí đã thực hiện năm 2024 (Triệu đồng)			Ghi chú
				Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	
15	Xây dựng bản đồ nông hóa phục vụ thâm canh chuyển đổi cơ cấu cây trồng và quản lý sử dụng bền vững tài nguyên đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình	Sở NN&PTNT	2024	1.980	-	1.980	
16	Xây dựng và mở rộng Cơ sở dữ liệu quản lý Chăn nuôi - Thú y (phục vụ quản lý, truy xuất nguồn gốc và kết nối đầu ra sản phẩm)	Chi cục Chăn nuôi - Thú y, Sở NN&PTNT	2024	1.920	-	1.920	
17	Nâng cấp, mở rộng, xây dựng thêm chức năng phục vụ triển khai hệ thống phần mềm chấm điểm chỉ số Cải cách hành chính đến các xã phường, thị trấn thuộc huyện, thị xã, thành phố	Sở Nội vụ	2024	1.990	-	1.990	
18	Xây dựng Cơ sở dữ liệu quản lý, giám sát hệ thống vận tải hành khách bằng xe buýt công cộng của tỉnh	Sở Giao thông Vận tải	2024	2.000	-	2.000	
19	Tiếp tục Dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng trang thiết bị CNTT nhằm hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sàn giao dịch việc làm trực tuyến, xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc	Trung tâm Dịch vụ việc làm, Sở LĐ-TB&XH	2024-2025	1.428	-	1.428	

Handwritten mark

Handwritten signature

STT	Tên nhiệm vụ, đề án, dự án	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Kinh phí đã thực hiện năm 2024 (Triệu đồng)			Ghi chú
				Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	
20	Nâng cấp, mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ công tác đào tạo tiếng Hàn Quốc cho lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo chương trình EPS	Trung tâm Dịch vụ việc làm, Sở LD-TB&XH	2024	1.100	-	1.100	
21	Nâng cấp phần mềm cơ sở dữ liệu giá tại địa phương	Trung tâm Tin học và Dịch vụ Tài chính công - Sở Tài chính	2024	700	-	700	
Tổng cộng				76.531	16.666	59.865	

Phụ lục II

DANH MỤC NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, CHUYÊN ĐỒI SỐ TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN TRONG NĂM 2025 VÀ GIAI ĐOẠN 2025-2026

(Kèm theo Kế hoạch số 2087 /KH-UBND ngày 11 / 11 /2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)

STT	Tên nhiệm vụ, đề án, dự án	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (Triệu đồng)		
				Tổng số	Năm 2025	Năm 2026
1	Nâng cấp hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh	Sở TT&TT	2025	4.068	4.068	-
2	Nâng cấp nền tảng tích hợp, liên thông cho Chính quyền điện tử và Đô thị thông minh, gồm: Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu; Nền tảng giám sát dữ liệu trực tuyến; Nền tảng phân tích, biểu diễn dữ liệu; Công dữ liệu mở; CSDL quản lý, đánh giá chỉ số Chuyên đề số của tỉnh	Sở TT&TT	2025	16.339	16.339	-
3	Xây dựng hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh	Sở TT&TT	2025	2.893	2.893	-
4	Nâng cấp nền tảng kỹ thuật công nghệ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh	Sở TT&TT	2025	14.376	14.376	-
5	Nâng cấp hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh	Sở TT&TT	2025	2.713	2.713	-
6	Xây dựng Nền tảng hệ thống quản lý, giám sát camera ứng dụng trí tuệ nhân tạo dùng chung toàn tỉnh	Sở TT&TT	2025	8.000	3.000	5.000

7	<p>Tiếp tục thực hiện Dự án: Đầu tư máy móc thiết bị CNTT phục vụ triển khai Đề án 06/Đề án 468 và triển khai số hóa hồ sơ tài liệu trong lực lượng Công an nhân dân phục vụ chuyển đổi số</p>	Công an tỉnh	2025	9.400	9.400	-
8	<p>Tiếp tục thực hiện Dự án: Đầu tư xây dựng, phát triển các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và thiết bị chuyên ngành phục vụ chuyển đổi số ngành Tư pháp</p>	Sở Tư pháp	2025	7.050	7.050	-
9	<p>Tiếp tục thực hiện Dự án: Đầu tư nâng cấp Công thông tin du lịch tích hợp phân hệ quản lý nhà nước và số hoá điểm đến du lịch tỉnh</p>	Sở Du lịch	2025	7.520	7.520	-
10	<p>Tiếp tục thực hiện Dự án: Đầu tư biên tập bản đồ nền dùng chung từ dữ liệu hiện trạng sử dụng đất cấp xã và xây dựng nền tảng chia sẻ dịch vụ bản đồ số và dữ liệu không gian tích hợp với Hệ thống CSDL dùng chung trên nền thông tin địa lý - GIS của tỉnh</p>	Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Bình	2025	4.000	4.000	-
11	<p>Tiếp tục thực hiện Dự án: Đầu tư hồ sơ sức khoẻ điện tử và hệ thống điều hành y tế thông minh tỉnh Quảng Bình</p>	Sở Y tế	2025	5.400	5.400	-
12	<p>Tiếp tục thực hiện Dự án: Đầu tư nâng cấp hạ tầng phục vụ chuyển đổi số tại Bệnh viện Đa khoa thành phố Đồng Hới</p>	Bệnh viện Đa khoa thành phố Đồng Hới	2025	6.000	6.000	-
13	<p>Tiếp tục thực hiện Dự án: Đầu tư xây dựng cơ sở dữ liệu và thiết bị phục vụ chuyển đổi số ngành Kế hoạch và Đầu tư</p>	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2025	2.100	2.100	-




14	Nâng cấp hệ thống CSDL về trẻ em các xã, phường, thị trấn	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	2025	3.000	3.000	-
15	Xây dựng CSDL về giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh	Sở Tư pháp	2025-2026	3.000	1.500	1.500
16	Xây dựng CSDL về đấu giá tài sản trên địa bàn tỉnh	Sở Tư pháp	2025-2026	3.000	1.500	1.500
17	Xây dựng CSDL sáng kiến, đề tài, đề án, công trình khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Bình	Sở Khoa học và Công nghệ	2025	2.000	2.000	-
18	Xây dựng CSDL về sản giao dịch công nghệ, thiết bị và hỗ trợ khởi nghiệp tỉnh Quảng Bình	Sở Khoa học và Công nghệ	2025-2026	7.000	3.000	4.000
19	Xây dựng Trục CSDL ngành GD&ĐT đảm bảo cung cấp, chia sẻ, kết nối với CSDL dùng chung của tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	2025-2026	1.800	1.500	300
20	Hỗ trợ, cung cấp máy vi tính cho các cơ sở giáo dục chưa đáp ứng yêu cầu dạy môn Tin học (mức độ 1) theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GD&ĐT	Sở Giáo dục và Đào tạo	2025-2026	7.080	4.000	3.080
21	Xây dựng thí điểm phòng học thông minh; Trang bị phần mềm mô phỏng cho các CSGD phổ thông	Sở Giáo dục và Đào tạo	2025-2026	10.000	5.000	5.000
22	Số hóa tài liệu một số lĩnh vực quan trọng ngành Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	2025-2026	3.000	1.500	1.500
23	Thực đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trong trường học	Sở Giáo dục và Đào tạo	2025-2026	4.500	4.500	-
24	Xây dựng thư viện điện tử dùng chung cho các trường phổ thông	Sở Giáo dục và Đào tạo	2025-2026	5.000	-	5.000

25	Ứng dụng dữ liệu quốc gia dân cư và CCCD (RAR) trong quản lý, khai thác hệ thống quản lý trường học đối với các trường học trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	2025-2026	10.000	5.000	5.000
26	Xây dựng CSDL di sản văn hóa và di tích lịch sử đã được xếp hạng trên địa bàn tỉnh	Sở Văn hóa và Thể thao	2025-2026	10.000	5.000	5.000
27	Xây dựng CSDL về các di vật, bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh	Sở Văn hóa và Thể thao	2025-2026	6.000	3.000	3.000
28	Xây dựng CSDL thư viện công cộng trên địa bàn tỉnh	Sở Văn hóa và Thể thao	2025-2026	6.000	3.000	3.000
29	Xây dựng CSDL về Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	2025	14.000	14.000	-
30	Xây dựng CSDL và phần mềm quản lý thông tin tài nguyên địa chất, khoáng sản trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	2025-2026	4.000	3.000	1.000
31	Xây dựng, cập nhật CSDL về người Việt Nam gốc Quảng Bình ở nước ngoài	Sở Ngoại vụ	2025-2026	1.200	600	600
32	Xây dựng CSDL về các tổ chức, chương trình, dự án phi chính phủ nước ngoài tại Quảng Bình	Sở Ngoại vụ	2025-2026	700	400	300
33	Xây dựng CSDL về y tế	Sở Y tế	2025-2026	20.000	10.000	10.000
34	Triển khai bệnh án điện tử tại các bệnh viện công lập	Sở Y tế	2025-2026	40.000	20.000	20.000
35	Xây dựng hệ thống quản lý điều hành và CSDL về KCN, KKT	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	2025-2026	4.500	1.500	3.000
Tổng cộng			-	255.639	177.859	77.780